

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27-9-2024

*“V/v ly hôn, nuôi con chung giữa chị Th
- anh Th”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Gia Khải; Bà Nguyễn Thị Đoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Quỳnh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2024/QĐHPT-ST ngày 13/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Bùi Đình T1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt chị T, anh T1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai, tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phan Thị T trình bày: Chị và anh Bùi Đình T1 tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, nay là xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 27/01/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại gia đình anh T1, sau đó đi lao động tự do. Quá trình chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, ngoài ra anh T1 còn chơi bời cờ bạc dẫn đến kinh tế khó khăn. Từ cuối năm 2022 mâu thuẫn trầm

trọng, chị T đã chủ động đưa con chung trở về gia đình bố mẹ đẻ tại xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị T khai chị và anh T1 có 02 con chung là Bùi Thị Hương L, sinh ngày 28/3/2014 và Bùi Đình Gia B, sinh ngày 08/02/2023. Con chung hiện do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn xảy ra chị đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Bùi Đình T1: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho anh T1 biết và đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của anh T1 và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh T1 đều vắng mặt.

Tòa án đã xác minh:

- Ông Bùi Đình B - Trưởng thôn L, xã C, anh Bùi Đình T2 là em trai anh T1 đều cung cấp hoàn cảnh điều kiện, thời gian kết hôn, thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh T1. Hiện tại chị T đã đưa con chung trở về nhà bố mẹ sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân. Đối với anh T1 đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn L, xã C, hiện đi làm ăn tự do không cố định địa chỉ nhưng vẫn thường xuyên trở về nhà ở xã C. Quan điểm của ông B và anh T2 đều đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân hòa giải để hai bên trở về đoàn tụ, nếu việc đoàn tụ không thành thì đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị T theo quy định của pháp luật

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa là chấp hành chưa đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T được ly hôn anh T1; Về con chung: Xử giao 02 con chung là Bùi Thị Hương L, sinh ngày 28/3/2014 và Bùi Đình Gia B, sinh ngày 08/02/2023 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung chị T không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên không đặt ra giải quyết; Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn L, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phan Thị T và anh Bùi Đình T1 được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 27/01/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh T1 cùng chung sống tại gia đình anh T1 tại xã C và sau đó đi lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, thời điểm cuối năm 2022 mâu thuẫn trầm trọng, chị T đã đưa 02 con chung trở về nhà quê tại xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị T khai trong thời gian sống ly thân anh T1 không tìm chị về đoàn tụ. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn anh T1. Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để anh T1 biết và đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do. Qua xác minh lời khai Bùi Đình B - Trưởng thôn La T3, xã C và anh Bùi Đình T2 là em trai anh T1 đều xác nhận thực trạng cuộc hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã mâu thuẫn và sống ly thân. Đối với anh T1 cư trú tại gia đình ở thôn L, xã C, thời điểm hiện tại anh T1 đi lao động tự do không cố định địa chỉ, nhưng vẫn thường xuyên đi về nhà. Quan điểm của ông B và anh T2 đều đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân và giải quyết nguyện vọng của chị T theo quy định của pháp luật. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh T1. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh T1 là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là Bùi Thị Hương L, sinh ngày 28/3/2014 và Bùi Đình Gia B, sinh ngày 08/02/2023. Xét nguyện vọng của đương sự về nuôi dưỡng con chung, qua xác minh cho thấy 02 con chung hiện do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng chu đáo kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, con chung Bùi Thị Hương L hiện đang ổn định sinh sống và học tập tại nơi cư trú và có đơn gửi Tòa án bày tỏ nguyện vọng được sinh sống với mẹ, con chung Bùi Đình Gia B hiện dưới 36 tháng tuổi, bản thân chị T có công việc và thu nhập ổn định. Quan điểm của ông B và anh T2 đều đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc giao con chung theo quy định của pháp luật. Vì vậy cần xử giao 02 con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị T được ly hôn anh Bùi Đình T1.

2/Về con chung: Xử giao 02 con chung là Bùi Thị Hương L, sinh ngày 28/3/2014 và Bùi Đình Gia B, sinh ngày 08/02/2023 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T1 có quyền thăm nom và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị T, anh T1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3/Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004782 ngày 05/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Ch;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC